

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY,
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/HS-ST

Ngày: 27-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Anh Dũng. Nghề nghiệp: Trưởng Ban tuyên giáo xã Phú Cường, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng. Nghề nghiệp: Phó bí thư Huyện đoàn huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hằng Ni – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2020/TLST-HS ngày 15/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Trần Minh M, sinh ngày 17/11/1997 tại xã MTN, huyện CL, TG; Nơi cư trú: ấp 6, xã MTN, huyện CL, tỉnh TG; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: 01 lần. Ngày 09/6/2017, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng, ngày 13/01/2019 bị cáo đã chấp hành xong; nhân thân: Ngày 25/01/2017, Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thành Nam quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và nghiện ma túy thời hạn là 03 tháng; Ngày 08/7/2019, Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thành Nam quyết định áp dụng biện pháp giáo

dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và nghiện ma túy thời hạn 03 tháng; ngày 31/7/2019 Công an xã Mỹ Thành Nam quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo chưa chấp hành; bị bắt, tạm giam: từ ngày 19/9/2019 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/ Huỳnh Quốc K (Tên gọi khác: Lượm), sinh ngày 22/01/2003 tại xã MA, huyện TM, tỉnh ĐT; Nơi cư trú: ấp PH, xã PN, huyện CL, tỉnh TG; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Quốc Dưỡng và bà Tiêu Thị Phi L; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: chưa vi phạm pháp luật; bị bắt, tạm giữ, tạm giam: không (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Huỳnh Quốc K:* Bà Tiêu Thị Phi L, sinh năm 1970; Nơi cư trú: ấp PH, xã PN, huyện CL, tỉnh TG; nghề nghiệp: làm thuê; là mẹ ruột của bị cáo. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Quốc K:* Ông Võ Huy T – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (Có mặt)

- *Người bị hại:* Anh Đồng Văn L, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp 6, xã MTN, huyện CL, tỉnh TG. (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1/ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp PH, xã PN, huyện CL, tỉnh TG. (vắng mặt).

2/ Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp 6, xã MTN, huyện CL, tỉnh TG. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 01/7/2019, tại quán nước giải khát Su Su thuộc ấp 6, xã MTN, huyện CL, tỉnh TG, các bị cáo Trần Minh M và Huỳnh Quốc K đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 cái ti vi màn hình phẳng hiệu Asanzo loại 42 inch màu đen của anh Đồng Văn L. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 45 ngày 12/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cai Lậy xác định: một ti vi hiệu Asanzo loại 42 inch màu đen trị giá là 2.549.500 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: một cái ti vi hiệu Asanzo loại 42 inch màu đen và đã trao trả lại cho bị hại anh Đồng Văn L, anh L đã nhận ti vi và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu dream màu xanh không có biển số của bị cáo Huỳnh Quốc K sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp cái ti vi, hiện đã bán chiếc xe cho người không xác định họ, tên địa chỉ, do đó không thu hồi được.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy, bị cáo Trần Minh M và bị cáo Huỳnh Quốc K đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 02/CT- VKSHCL ngày 13/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy truy tố bị cáo Trần Minh M và Huỳnh Quốc K về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17; Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Minh M mức án từ 09 đến 12 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 65, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc K mức án từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Huỳnh Quốc K phát biểu ý kiến bào chữa: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt truy tố đối với bị cáo Huỳnh Quốc K. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo K như: bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bản thân không được học nhiều, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Trần Minh M và bị cáo Huỳnh Quốc K khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 17 giờ ngày 01/7/2019, tại quán nước giải khát Su su thuộc ấp 6, xã MTN, huyện CL, tỉnh TG, anh Nguyễn Văn H nhờ bị cáo Trần Minh M đến nhà của anh Đồng Văn L kêu anh L đến quán nước gặp Hải thỏa thuận việc bán xe mô tô. Khi bị cáo M đến nhà không thấy anh L, cửa rào không khóa nên bị cáo M nảy sinh ý định trộm cắp cái ti vi, do đi một mình không chờ được nên bị cáo M quay về rủ anh H cùng đi trộm nhưng anh H không đi mà kêu bị cáo Huỳnh Quốc K đi trộm ti vi cùng với bị cáo M thì bị cáo K đồng ý. Bị cáo M điều khiển xe mô tô hiệu dream màu xanh không biển số chở bị cáo K đến nhà anh L, bị cáo M và bị cáo K cùng đi vào nhà, bị cáo M tháo dây điện trộm ti vi và đưa cho bị cáo K ngồi ôm phía sau xe. Trên đường về, bị cáo M nói với bị cáo K đừng cho anh H biết đã trộm được cái ti vi, vì sợ anh H đòi chia tiền. Cả hai đem ti vi đến nhà bà Huỳnh Thị Đ để gửi. Sau đó, cả hai đến quán nước nói với anh H là không trộm được ti vi do có nhiều người đi qua lại. Đến tối cùng ngày, bị cáo M đến nhà bà Đ lấy ti vi đem về nhà cất giấu và thỏa thuận Mộng lấy cái ti vi và chia tiền lại cho bị cáo K sử dụng, thì bị Công an phát hiện thu giữ cùng tang vật. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, giá trị tài sản các bị cáo lấy trộm là 2.549.500đ. Do vậy, có đủ căn cứ để tuyên bố các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, trực tiếp gây hậu quả về mặt vật chất và tinh thần đối với người bị hại, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, do đó cần phải xử phạt mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người tốt. Để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo thì cần được xác định như sau:

[3.1] Bị cáo Trần Minh M khi phạm tội là người đã đủ 18 tuổi, đồng thời cũng là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo đã có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, trước lần phạm tội này bị cáo còn bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và trộm cắp tài sản khác;

[3.2] Bị cáo Huỳnh Quốc K khi phạm tội là người đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chỉ với vai trò giúp sức, bản thân chưa có tiền án, tiền sự.

Do vậy, mức hành phạt đối với bị cáo M là cao hơn sơ với bị cáo K

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy rằng: các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải nên được Hội đồng xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi thường trú rõ ràng, khi phạm tội bị cáo đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên mức hình phạt được áp dụng cao nhất không quá $\frac{3}{4}$ mức hình phạt mà Điều luật quy định, nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là đủ để cải tạo bị cáo trở thành người tốt.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[7] Về vật chứng:

[7.1] Đối với một cái ti vi hiệu Asanzo loại 42 inch màu đen, đã trao trả lại cho bị hại anh Đồng Văn L, anh L đã nhận ti vi và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[7.2] Đối với chiếc xe mô tô hiệu dream màu xanh không có biển số của bị cáo Huỳnh Quốc K sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp cái ti vi, hiện đã bán chiếc xe cho người không xác định họ, tên địa chỉ nên không thu hồi được. Do vậy kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy tiếp tục điều tra xử lý sau.

[8] Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Đối với anh Nguyễn Văn H có hành vi kêu bị cáo Huỳnh Quốc K đi cùng với bị cáo Trần Minh M trộm cắp cái ti vi, nhưng giữa anh H, bị cáo M và bị cáo K không có thỏa thuận việc cùng đi trộm cắp tài sản. Đồng thời, bị cáo M và bị cáo K sau khi trộm được ti vi thì giấu không cho anh H biết, do đó không có căn cứ xử lý anh H đồng phạm trong vụ trộm cắp này.

[10] Đối với bà Huỳnh Thị Đ có hành vi nhận giữ dùm ti vi do bị cáo M và bị cáo K trộm cắp mà có, nhưng bà Đ không hay biết việc trộm cắp của các bị cáo nên không có căn cứ xử lý bà Đ về tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[11] Xét ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Huỳnh Quốc K về tội danh mà mức hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Quốc K phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Trần Minh M và Huỳnh Quốc K đồng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh M 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2019.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 65, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Quốc K 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các bị cáo Trần Minh M, Huỳnh Quốc K; người đại diện hợp pháp của bị cáo Huỳnh Quốc K; người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Quốc K có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy
- CAND huyện Cai Lậy.
- Người tham gia tố tụng
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 25-HS:

- (1) ghi tên Tòa án xét xử sơ thẩm; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Tòa án nhân dân Quận 1, thành phố H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (Tòa án quân sự Khu vực 1, Quân khu 4).
- (2) ghi địa điểm nơi tiến hành phiên tòa (ví dụ: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh H; hoặc: Tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh X).
- (3) ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán, Hội thẩm; nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(4) nếu có nhiều bị cáo thì ghi thứ tự từng người một; trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở chính, họ tên người đại diện theo pháp luật.

(5) ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.

Mẫu số 25-HS: Biên bản nghị án vụ án hình sự

--	--

Huỳnh Văn Thanh - Dương Trần Trọng Quang	Nguyễn Thành Ngoan
---	--------------------